

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **219/2017/HNGĐ-ST**
Ngày 20-9-2017
“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng.

2/ Bà Lâm Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 397/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2/ Bị đơn: Ông Lâm H, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2017 và lời trình bày nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 1985 bà T và ông H tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống giữa bà T và ông H có 04 con chung tên: Lâm V, sinh

năm 1987; Lâm P, sinh năm 1989; Lâm D, sinh năm 1991; Lâm Q, sinh năm 1995 (các con đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà T cho rằng vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà T cho rằng vợ chồng không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do ông H chung sống với người phụ nữ khác như vợ chồng, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài.

Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với ông Lâm H:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc “ly hôn”, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại **Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

[2] *Xét về thủ tục:* Tòa án đã tiến hành triệu tập ông H hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án căn cứ **Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015**, tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] *Xét về mối quan hệ hôn nhân:* Bà T và ông H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1985, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm a khoản 3 nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội xác định mối quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân thực tế và được pháp luật bảo vệ mối quan hệ này.

[4] *Xét về căn cứ cho ly hôn:* Hôn nhân tiên bộ là vợ chồng phải biết thương yêu chăm sóc cho nhau, chung thủy với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng ngược lại ông H lại đi chung sống với người phụ nữ khác, không quan tâm lo lắng gì đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông H với bà T, từ căn cứ này Hội đồng xét xử xét thấy ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ

chồng làm cho tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và hơn nữa bà T cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H, nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa bà T với ông H là phù hợp với **Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014**.

[5] *Xét về con chung*: Các con của bà T và ông H đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà T cho rằng giữa bà T và ông H có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có, nhưng tại phiên toà ông H vắng mặt không rõ lý do, nên chưa làm rõ được phần tài sản chung và nợ chung giữa bà T và ông H; do đó cần tách phần tài sản chung và nợ chung giữa bà T và ông H ra để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, khi nào ông H có yêu cầu xét thấy có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] *Xét về án phí*: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định **Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015** và **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**, bà T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều a khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị T và ông Lâm H.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà T phải nộp 300.000 đồng, bà T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007141 ngày 03/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Từ Thanh Nhung